

(Dự thảo)

## ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

-----

### PHẦN MỞ ĐẦU

#### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010; và
- Các văn bản quy phạm Pháp luật khác có liên quan,

### PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP là cơ sở pháp lý cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty. Bản Điều lệ này, các quy định của Tổng Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp quy định sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm 2014.

# Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "*Cienco4*" hoặc "*Tổng công ty*" có nghĩa là Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP

b. "*Vốn điều lệ*" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại khoản 2 Điều 8 của Điều lệ này;

c. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

d. "*Luật chứng khoán*" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;

e. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

f. "*Đơn vị trực thuộc Tổng công ty*" là các đơn vị hoạch toán phụ thuộc hoạt động dưới hình thức chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty;

g. "*Công ty con*" là công ty do Tổng công ty giữ cổ phần, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

h. "*Công ty liên kết*" là công ty mà Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối. Công ty liên kết được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan;

i. "*Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty*" là công ty không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty nhưng tự nguyện trở thành thành viên liên kết trên cơ sở quan hệ gắn bó về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với Tổng công ty, chịu ràng buộc nhất định về quyền, nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa công ty đó với Tổng công ty;

j. "*Cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty*" tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Tổng công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;

k. "*Cổ phần không chi phối, vốn góp không chi phối của Tổng công ty*" tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Tổng công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó trở xuống;

l. "*Đầu tư vốn ra ngoài Tổng công ty*" là hoạt động dùng vốn, tài sản hoặc thương hiệu Tổng công ty để đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp khác ngoài Tổng công ty như: Góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, đầu tư tăng vốn vào công ty con, công ty liên kết, công ty khác và hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật;

m. "*Cán bộ quản lý*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Tổng công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

n. "*Người có liên quan*" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán.

o. "*Đối thủ cạnh tranh*" có nghĩa là bất cứ người nào hoặc doanh nghiệp nào, ngoại trừ các doanh nghiệp có sự đầu tư vốn của Tổng công Ty và nhà đầu tư chiến lược của Tổng công ty, mức độ của việc đầu tư sẽ được đề cập cụ thể trong Quy chế quản trị Tổng công Ty, trực tiếp hay gián tiếp thực hiện hoặc tham gia hoạt động sản xuất - kinh doanh các sản phẩm - dịch vụ giống như hoặc tương tự với các sản phẩm - dịch vụ mà Tổng công ty đang thực hiện hoặc tham gia sản xuất - kinh doanh.

p. "*Người Thâu Tóm*" là: (i) Người đại diện cho cổ đông là tổ chức, (ii) cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện của cổ đông là cá nhân, mà cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân) đó nắm giữ hoặc cùng với Người có liên quan quy định tại Điểm n **Khoản 1 Điều 1** của Điều lệ này nắm giữ từ hai mươi lăm (25)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty trở lên.

q. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

r. "*Việt Nam*" Là Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

s. "*Quy chế quản trị Tổng công ty*" là văn bản tập hợp các nguyên tắc, quy định về điều hành, quản lý Tổng công Ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của Tổng công ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng;

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 – CTCP**

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **Civil Engineering Construction Corporation No. 4- Joint stock Company**

- Tên giao dịch : **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4**

- Tên viết tắt : **CIENCO4**

- Nhãn hiệu (logo): Nhãn hiệu được khái quát trên nền màu vàng bởi hình dáng con đường và cây cầu theo hình ngọn đuốc, với dáng nét chính là con đường màu đỏ tươi chạy vươn từ dưới lên về phía bên phải, phía trái là nhịp cầu màu xanh dương nằm trên hình trụ cầu cũng màu xanh dương. Dưới chân đế là dòng chữ CIENCO 4 màu đỏ tươi, là tên viết tắt của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 -CTCP.



2. Hình thức: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4- CTCP là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần bằng cách cơ cấu lại tài chính, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan khác của pháp luật. Tổng công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam;

3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10-11 Tòa nhà ICON4, số 243A Đường Đê La Thành, phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : 043.6420371
- Fax : 043.6812175
- Email : [cienco4vinh@hn.vnn.vn](mailto:cienco4vinh@hn.vnn.vn)
- Website : [www.cienco4.com.vn](http://www.cienco4.com.vn)

4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 64, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn.

### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty:

- Xây dựng các công trình giao thông;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Xây dựng các công trình hạ tầng cấp thoát nước, san lấp nền, điện chiếu sáng;
- Xây dựng công trình điện, thông tin liên lạc;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm;
- Gia công chế tạo dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí;
- Chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, xe máy;
- Khai thác vật liệu, khoáng sản, đá, cát, sỏi;

- Đầu tư các công trình hạ tầng giao thông và kết cấu hạ tầng khác theo phương thức BOT, BT, BOO, PPP;
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án đầu tư công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh thương mại; xuất, nhập khẩu hàng hoá, vật tư, máy móc thiết bị.
- Kinh doanh bất động sản: nhà ở, văn phòng, khách sạn - nhà hàng, du lịch;
- Kinh doanh chứng khoán và đầu tư tài chính;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, hợp tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới;
- Cung ứng và xuất khẩu lao động;
- Vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký phù hợp các quy định của pháp luật;

## 2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

a) Kinh doanh có lãi, sử dụng vốn một cách có hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển bền vững Tổng công ty.

b) Đổi mới công nghệ, tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh;

c) Phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả đầu tư, mở rộng liên danh, liên doanh, liên kết, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; tăng cường tiềm lực về mọi mặt, xây dựng Tổng công ty phát triển toàn diện, hoạt động đa hình thức sở hữu, trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu ở Việt Nam và khu vực về lĩnh vực đầu tư và xây dựng công trình giao thông.

## **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Điều 5. Tổ chức Đảng và chính trị xã hội trong Tổng công ty**

1. Các tổ chức Đảng và chính trị xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, phát luật và theo Điều lệ tổ chức.

2. Tổng công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động thành lập các tổ chức Đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp, kết nạp những người làm việc tại Tổng công ty vào các tổ chức này.

3. Tổng công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, đoàn thể làm việc tại Tổng công ty thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo Điều lệ và nội quy của tổ chức.

## **Chương II** **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm thành lập là: 600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng),

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 60.000.000 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng.

2. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

3. Tổng công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Khoản 1 và 2 Điều này sẽ tự động được cập nhật sau khi Tổng Công ty hoàn thành việc tăng Vốn Điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật;

### **Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Tổng công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ (ghi rõ họ và tên người nắm giữ nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyên nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Tổng công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Tổng công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

### **Điều 9. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Cổ phần của cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng 05 năm kể từ ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời gian quy định phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

5. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi mua thêm thuộc sở hữu của người lao động Tổng công ty tại thời điểm thành lập được thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

6. Trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác phù hợp với quy định của pháp luật, tất cả các giao dịch chuyển nhượng cổ phần đều có thể được thực hiện bằng hình thức: (i) chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường; hoặc (ii) hình thức trao tay cổ phiếu; hoặc (iii) theo bất kỳ cách thức nào khác được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán

7. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp nếu diễn ra Đại hội đồng cổ đông trong thời gian đó thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật Doanh nghiệp.

8. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết thì những người thừa kế sẽ là người/những người duy nhất được Tổng Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Tổng Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, trừ quyền hưởng cổ tức, hưởng chia thưởng bằng cổ phiếu; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đó khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.



## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi bằng lãi suất tiền vay quá hạn của ngân hàng thương mại mà Tổng công ty đang giao dịch chính vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **Chương III**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11 . Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

## 2. Tổ chức hoạt động

- Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo, bầu Ban Kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và vốn của Tổng Công ty;
- Điều hành hoạt động của Tổng công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

## Mục 1

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 12. Cổ đông và quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

#### 2. Cổ đông là pháp nhân:

Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Tổng Công ty là người đại diện trước pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện phần vốn có thể được ủy quyền cho một người khác làm đại diện cho pháp nhân đó tại Tổng Công ty. Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Tổng Công ty. Trong trường hợp này, cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Tổng Công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.

#### 3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Tổng công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Có thể ủy quyền cho người khác (bằng Giấy ủy quyền) đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với những điều kiện sau:

j. Chỉ được ủy quyền từng lần cho mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông;

k. Phải có Giấy ủy quyền;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 25 và Khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;

b. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

c. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ

phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng Công ty phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền yêu cầu Ban kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp từ a, b, c và d sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

e. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 6 điểm a,b,c,d Điều này, Ban kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu.

f. Trường hợp Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 6 Điều này có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

g. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại mục c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục d, e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại mục d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
  - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty; liên doanh, liên kết và thành lập công ty con.

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;

l. Quyết định giao dịch mua, bán, đầu tư tài sản có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc;

o. Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Trong trường hợp này các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Đối với Đại hội đồng cổ đông thường niên cuối nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, ngoài các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông thường niên nêu trên, còn thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ.

b) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ.

c) Bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.

#### **Điều 16. Các hình thức tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 01 ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

3. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

b) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c) Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định của pháp luật thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

đ) Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham



dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 16 và Điều 18 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại mục b hoặc mục c khoản 4 Điều 14.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp..

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp và các tài liệu, thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trong thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi triệu tập lần thứ nhất có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

## **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Thẻ thức tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Thẻ thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp: khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi mã số thẻ của cổ đông dự họp (mã số là sự mã hoá số đăng ký cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó), ghi các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp và phương án biểu quyết. Khi biểu quyết, thực hiện thu thẻ biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng vấn đề.

b) Thẻ thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông dự đại hội có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả cổ phần đại diện, cổ phần uỷ quyền nếu có) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có các tiêu chí sau (xếp theo thứ tự ưu tiên lựa chọn trúng cử): sở hữu số cổ phần nhiều hơn hoặc có thâm niên công tác lâu hơn hoặc có tuổi đời cao hơn.

c) Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

d) Kết quả kiểm phiếu được ghi vào biên bản và chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ tọa. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ tọa đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội trong những trường hợp theo quy định của pháp luật..

7. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

8. Chủ toạ và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

9. Hàng năm Tổng công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch mua, bán, đầu tư tài sản có giá trị từ **50%** trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 104 Luật Doanh nghiệp phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề còn lại bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải bảo đảm được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực

hiện theo quy định tại Điều 105 của Luật Doanh nghiệp và quy chế biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Tổng công ty, có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 106 của Luật Doanh nghiệp, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký.

2. Biên bản phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **Mục 2**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Tổng công Ty. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.

b. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

c. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần thì phải có năng lực, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;

d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

e. Không là người vừa thu tóm và đồng thời là đối thủ cạnh tranh hoặc người đại diện của đối thủ cạnh tranh của Tổng công Ty.

f. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 3 công ty khác;

g) Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị: ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c, d, e, f khoản 5 điều này, phải có kinh nghiệm ít nhất 6 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị, bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này và quy định của pháp luật hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

g. Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

h. Ngoài các trường hợp quy định trên, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của ĐHCĐ.

7. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty: biên chế và bộ máy của cơ quan Tổng công ty, Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện;

- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó;
- e. Cử, bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổng công ty, Giám đốc Công ty con, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- g. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Công ty con theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông;
- h. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;
- i. Quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty,
- j. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác;
- k. Tiếp nhận công ty con, công ty liên kết theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông;
- l. Quyết định các giải pháp thị trường, tiếp thị và công nghệ của Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc;
- m. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- n. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- o. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- p. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- r. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Tổng công ty;
- s. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- t. Quyết định mua lại không quá 10% mỗi loại cổ phần; trình Đại hội đồng cổ đông quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại và các trường hợp mua lại cổ phần khác;
- u. Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Tổng công ty định giá chào bán khi mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Đối với cổ phần loại khác, nếu Tổng công ty



và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

v. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư, giao dịch mua, bán, đầu tư tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; trình phương án đầu tư và dự án đầu tư lên Đại hội đồng cổ đông quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;

w. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng kinh doanh, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này; thông qua Quyết định vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

x. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

y. Sốt xét và trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông; báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty của Hội đồng quản trị trước Đại hội đồng cổ đông.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị công ty phê chuẩn:

a. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua Tổng công ty và liên doanh);

b. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

c. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;

d. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá 10% giá trị kế hoạch đầu tư trong năm;

e. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

f. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g. Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã phát hành theo từng loại;

h. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

i. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 27. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức và theo quy định của pháp luật. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề

ngihtổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 4 Điều 14 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### 9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên

bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

### **Mục 3**

## **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

### **Điều 30. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý cao cấp do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

### **Điều 31. Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 5 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty có trình độ đại học, có năng lực tổ chức quản lý Tổng công ty, có ít nhất năm (5) năm kinh nghiệm tham gia quản lý điều hành Doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật, thường trú tại Việt nam.

e) Không được đồng thời làm giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị của Doanh nghiệp khác, không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp khác.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng theo đúng thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và các cổ đông;

c. Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt để tổ chức thực hiện: kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Tổng công ty; phương án huy động vốn; phương án đầu tư, liên doanh, liên kết; phương án cơ cấu, tổ chức, định biên và bộ máy quản lý Tổng công ty; phương án tuyển dụng lao động; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty; phương án phối hợp kinh doanh

giữa Tổng công ty với các công ty khác; các giải pháp công nghệ, phát triển thị trường, tiếp thị của Tổng công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định các vấn đề được Hội đồng quản trị phân công hoặc ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này các văn bản pháp luật có liên quan;

f. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

f. Ký kết hợp đồng nhân danh Tổng công ty, trừ những hợp đồng giao dịch cần phải có sự phê chuẩn, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này;

g. Vào ngày 31 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (5) năm.

h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty.

j. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

1. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

4. Bãi nhiệm, thay thế.

a) Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường



hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc là Thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại điều lệ này;
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng quản trị giao hoặc không hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng quản trị.
- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác.
- Tự ý bỏ nhiệm sở.

b) Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau đây:

- Tự nguyện xin từ chức;
- Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

### **Điều 32. Phó Tổng giám đốc**

1. Tổng công ty có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, chấm dứt hợp đồng; Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Thực hiện một số công việc theo sự phân công quản lý của Tổng Giám đốc phù hợp với lĩnh vực mình phụ trách.

b. Tham mưu, hiến kế, cố vấn và đề xuất cho Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị về chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng Tổng công ty tùy theo chuyên môn và lĩnh vực được phân công phụ trách.

c. Kiến nghị đến Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh có nguy cơ tiềm ẩn có thể gây thiệt hại cho Tổng công ty trong chuyên môn và lĩnh vực mình đảm nhiệm.

d. Chịu trách nhiệm liên đới với Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị về các nghiệp vụ kinh tế, đầu tư phát sinh làm thiệt hại cho Tổng công ty.

e. Có quyền kiến nghị đến Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay đổi, tuyển dụng nhân sự, cách chức các cán bộ quản lý trưởng, phó các bộ phận, phòng ban trong Tổng công ty.

f. Tuân thủ các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Mục 4 Chương III của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá năm (05) năm. Phó Tổng giám đốc có thể bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng;

4. Tiền lương và lợi ích khác của các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

### **Điều 33. Kế toán trưởng**

1. Tổng công ty có 01 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, chấm dứt hợp; Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, quy định của Điều lệ này và của pháp luật;

2. Kế toán trưởng có các nhiệm vụ và quyền sau đây:

a. Thực hiện công việc của mình theo Luật kế toán. Tham mưu, cố vấn cho Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị về tổ chức bộ máy kế toán tài chính của Tổng công ty. Kiến nghị thay đổi, tuyển dụng nhân sự của bộ phận tài chính kế toán lên Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

b. Tham mưu cho Tổng Giám đốc về chính sách tài chính, chế độ kế toán liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Tổng công ty.

c. Thực hiện báo cáo tình hình tài chính của Tổng công ty cho Ban điều hành, Hội đồng Quản trị theo định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm. Lập đầy đủ và giữ đúng hạn các báo cáo kế toán và quyết toán của Tổng công ty theo chế độ hiện hành.

d. Thực hiện các kế hoạch kinh doanh - tài chính, các dự toán chi phí kinh doanh, phí lưu thông, các dự toán chi tiêu, các định mức kinh tế - kỹ thuật;

e. Phân công và chỉ đạo trực tiếp tất cả các kế toán viên của Tổng công ty. Có quyền yêu cầu tất cả các bộ phận trong và thuộc Tổng công ty chuyên đầy đủ, kịp thời những tài liệu, số liệu cần thiết cho công việc kế toán và kiểm tra của kế toán trưởng ;

f. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Tổng công ty.

g. Tổ chức ghi chép ,tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tính toán và trích đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, các quỹ để lại Tổng công ty và xác định các khoản tiền vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả đúng hạn;

h. Xác định phản ánh chính xác, kịp thời, đúng chế độ kết quả kiểm kê tài sản hàng kỳ và đề xuất các biện pháp giải quyết,xử lý khi có các trường hợp thất thoát xảy ra;

i. Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ bí mật các tài liệu và số liệu kế toán bí mật của Tổng công ty;

j. Không được lập, ký hoặc duyệt các báo cáo, chứng từ, tài liệu khi không có ý kiến của Tổng Giám đốc, hoặc không phù hợp với các qui định hiện hành của Nhà nước

k. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao

1. Tuân thủ các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Mục D Chương III của Điều lệ này và các quy định pháp luật dành cho chức danh Kế toán trưởng.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá ba năm (5) năm. Kế toán trưởng có thể bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng;

4. Tiền lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

#### **Điều 34. Bộ máy giúp việc**

1. Bộ máy giúp việc gồm Văn phòng Tổng công ty, Văn phòng Hội đồng quản trị, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Ban quản lý dự án và các Ban điều hành dự án của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc đồng thời Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc, không có các tổ chức hành chính trực thuộc văn phòng, phòng;

2. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Tổng công ty, Văn phòng Hội đồng quản trị, phòng chuyên môn nghiệp vụ và Ban quản lý dự án được quy định tại quyết định thành lập hoặc quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và theo quy chế nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định ban hành; Chức năng, nhiệm vụ của Ban điều hành dự án được quy định tại quyết định thành lập hoặc quyết định giao nhiệm vụ của Tổng giám đốc theo chấp thuận của Hội đồng quản trị;

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Tổng công ty, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, quy định của Điều lệ này và pháp luật.

#### **Điều 35. Thư ký Công ty**

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:

a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Mục 4**

### **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 36. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### **Điều 37. Nghĩa vụ của người quản lý Tổng công ty; trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, căn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Tổng công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng công ty.

đ) Công khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng công ty theo quy định của Pháp luật; thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử

dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 20% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

- Doanh nghiệp mà người ký hợp đồng có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà những người có liên quan của người ký hợp đồng cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ; người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Thủ tục chấp thuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Điểm b khoản 4 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

đ) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

### **Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tổng công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tổng công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

## **Mục 5**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty từ 03 đến 05 thành viên. Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên làm Trưởng ban. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên có nghiệp vụ kế toán hoặc kiểm toán viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng

viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát thực hiện như quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.

a) Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành; có trình độ về nghiệp vụ, trong đó có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

b) Trưởng Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Là thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty;

- Là cổ đông của Tổng công ty, nếu là đại diện pháp nhân phải sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Tổng công ty;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

7. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

9. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Tổng công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 40. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Tổng công ty trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

g. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận và xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý; xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này;



h. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

i. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

j. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

k. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng công ty quy định tại Điều 32 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Được quyền được cung cấp thông tin theo quy định sau:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Tổng công ty làm việc.

3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Tổng công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

e) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

g) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

7. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Ban Kiểm soát giao;

d) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

đ) Bị Toà án kết án bằng bản án;

e) Bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

g) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

h) Có đơn xin từ chức;

i) Ngoài ra, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ

đồng để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

9. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì thành viên Ban kiểm soát còn lại cử người thay thế. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế đến khi Đại hội đồng cổ đông gần nhất để bầu bổ sung.

## **Chương IV**

### **QUAN HỆ CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT VỚI TỔNG CÔNG TY**

#### **Mục 1**

#### **QUẢN LÝ VỐN DO TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ Ở DOANH NGHIỆP KHÁC**

##### **Điều 41. Vốn do Tổng công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác**

Vốn do Tổng công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác là các loại vốn dưới đây:

1. Vốn bằng tiền, bằng thương hiệu, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Tổng công ty được Tổng công ty đầu tư hoặc đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác;
2. Giá trị cổ phần đầu tư tại các Công ty đã cổ phần thành viên;
3. Lợi tức được chia do Tổng công ty đầu tư, góp vốn ở doanh nghiệp khác dùng để tái đầu tư vào doanh nghiệp đó;
4. Các loại vốn khác.

##### **Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trong việc quản lý vốn đầu tư ở doanh nghiệp khác**

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đồng sở hữu nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh; của đồng sở hữu không nắm cổ phần, vốn góp chi phối đối với công ty liên kết phù hợp với quy định của pháp luật đối với các công ty đó;

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quản lý vốn đầu tư ở doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty;

b) Quyết định:

- Cử, thay đổi, bãi miễn người đại diện theo ủy quyền, đại diện phần vốn của Tổng công ty; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát các công ty cổ phần có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và nước ngoài;

- Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của Công ty do Tổng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng công ty và của công ty liên kết;

- Quyết định mức lương, phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đối với người đại diện phần vốn góp, trừ trường hợp những người đó đã được hưởng lương từ doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty con có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty:

- Định hướng công ty thực hiện mục tiêu do Tổng công ty giao và kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tổng công ty nếu có;

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh và các nội dung khác về công ty có vốn góp của Tổng công ty;

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty để xin ý kiến chỉ đạo trước khi biểu quyết;

- Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp, thị trường, bí quyết công nghệ để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Giải quyết những kiến nghị của người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác;

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở doanh nghiệp khác. Phần thu vốn về, kể cả lãi được chia cho Tổng công ty quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty;

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của Tổng công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của Tổng công ty;

g) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

### **Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác**

1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là người của tổng công ty;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.

d) Có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về kinh tế, tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong doanh nghiệp không cần phiên dịch;

đ) Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và giám đốc của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty mà người đó được giao làm người đại diện phần vốn góp;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần được mua ưu đãi khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

#### **Điều 44. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong công ty cổ phần, vốn góp của Tổng công ty. Trong trường hợp Tổng công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì người đại diện sử dụng quyền chi phối để định hướng công ty này theo chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tham gia ứng cử hoặc đề cử người đại diện của Tổng công ty vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp có vốn góp theo quy định của điều lệ của doanh nghiệp đó và theo hướng dẫn của của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

3. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị Tổng công ty về tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Tổng công ty.

Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty thì người đại diện phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

4. Xin ý kiến Hội đồng quản trị Tổng công ty trước khi tham gia biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty có vốn góp của Tổng công ty về chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm; nhân sự chủ chốt; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tăng, giảm vốn điều lệ; chia cổ tức; dự án đầu tư; dự án đầu tư tài sản cố định; bán tài sản; huy động vốn của các thành viên góp vốn và những vấn đề quan trọng khác của doanh nghiệp. Trường hợp nhiều người cùng đại diện vốn góp của Tổng công ty tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp thì người có trách nhiệm chính do Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ định phải chủ trì cùng bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến Hội đồng quản trị Tổng công ty về những vấn đề quan trọng của công ty trước khi biểu quyết.

## **Điều 45. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện**

1. Tiền lương, phụ cấp, thưởng và quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác do Tổng công ty chi trả hoặc doanh nghiệp đó chi trả theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp đó;

2. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do Tổng công ty chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp người đại diện được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn đầu tư góp vào doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do Tổng công ty chi trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do Tổng công ty chi trả theo quy định.

Trường hợp người đại diện được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho Tổng công ty.

4. Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại doanh nghiệp khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty. Tổng công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng công ty.

Trường hợp người đại diện được cử làm đại diện phần vốn đầu tư tại nhiều đơn vị, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại 01 đơn vị. Người đại diện phần vốn đầu tư tại công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần còn lại cho Tổng công ty.

Trường hợp người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác và phải chuyển nhượng lại cho Tổng công ty số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được mua trái quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp người đại diện phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho Tổng công ty phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

## **Mục 2**

### **QUAN HỆ CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT VỚI TỔNG CÔNG TY**

## **Điều 46. Các đơn vị phụ thuộc, công ty liên kết của Tổng công ty**

1. Tổng công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty liên kết. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty liên kết tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được ghi tại Phụ lục kèm theo của Điều lệ này.

2. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc do Hội đồng quản trị thành lập, được tổ chức và hoạt động theo quy chế hoạt động do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt và quy định của pháp luật.

#### **Điều 47. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc thuộc sở hữu của Tổng công ty và hạch toán kế toán tập trung tại Tổng công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của Tổng công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên phê duyệt. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

#### **Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty với doanh nghiệp mà Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Khoản 4 Điều này; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị Tổng công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn

nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc doanh nghiệp;

đ) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm;

e) Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

g) Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

h) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm;

i) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

5. Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 49. Quan hệ giữa Tổng công ty với doanh nghiệp mà Tổng công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ**

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Nhà nước đã góp vào doanh nghiệp.

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại doanh nghiệp; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Khoản 4 Điều này; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị Tổng công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;



b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát; đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc doanh nghiệp;

đ) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;

e) Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;

g) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp;

h) Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của doanh nghiệp.

5. Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 50. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty**

Công ty tự nguyện tham gia liên kết với Tổng công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, không có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Tổng công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa công ty đó với Tổng công ty.

### **Chương V**

#### **CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU, QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 51. Chế độ lưu giữ tài liệu**

Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính:

1. Điều lệ Tổng công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; sổ đăng ký cổ đông;

2. Giấy đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

3. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng công ty;
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; các quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
5. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán; Báo cáo thường niên;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm và định kỳ;
8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật;
9. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật;
10. Hội đồng quản trị quyết định giao các phòng chuyên môn nghiệp vụ hoặc bộ phận của cơ quan Tổng công ty nhiệm vụ lưu giữ tài liệu.

#### **Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 và 4 Điều 13 của Điều lệ này có quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ và các tài liệu được quy định tại Điều 40 của Điều lệ này tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Tổng công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của Tổng công ty.

### **Chương VI**

## **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 53. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động;
2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính

sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **Chương VII**

### **PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 54. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

3. Tổng công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Tổng công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

9. Trường hợp việc trả cổ tức trái với quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

#### **Điều 55. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận của công ty được phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp chế độ tài chính do Nhà nước ban hành.

### **Chương VIII**

#### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 56. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 57. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Tổng công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Tổng công ty.

#### **Điều 58. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

#### **Điều 59. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **Chương IX**

### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 60. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 62 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Tổng công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Tổng công ty là công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Tổng công ty và các Công ty do Tổng công ty nắm cổ phần chi phối (từ 51% vốn điều lệ trở lên) vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Tổng công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi Tổng công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của nhà nước.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty;

#### **Điều 61. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Chương X**

### **KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

#### **Điều 62. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Tổng công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Tổng công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **Chương XI**

### **CON DẤU**

#### **Điều 63. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương XII**

### **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, TRANH TỤNG, THANH LÝ**

#### **Điều 64. Chấm dứt hoạt động**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

- b. Giải thể Tổng công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 65. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

#### **Điều 66. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **Chương XIII**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước đơn vị quản lý cấp trên hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

## **Chương XIV**

### **BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ, NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.



## **Điều 69. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 14 chương 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 - CTCP nhất trí thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2014, tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
  - b. 01 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;
  - c. 01 bản nộp Bộ Giao thông vận tải;
  - d. 07 bản lưu trữ tại trụ sở chính Tổng công ty;
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**Họ tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty**